NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.HCM

BIỂU SỐ B02/TCTD
Ban hành theo QĐ 16/2007/QĐ -NHNN
Ngày 18 tháng 4 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 2 năm 2012 - Riêng lẻ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
A/ TÀI SẢN		
I - Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**5.344.251**	**2.027.877**
II - Tiền gửi tại NHNN	**2.466.402**	**294.747**
III - Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	**3.740.665**	**7.248.244**
* Tiền, vàng gửi tại các TCTD	1.919.798	7.248.244
* Cho vay các TCTD khác	1.831.927	-
* Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác(*)	(11.060)	-
IV - Chứng khoán kinh doanh	**21.252**	**18.771**
* Chứng khoán kinh doanh	72.675	72.675
* Dự phòng giảm giá CK kinh doanh(*)	(51.423)	(53.904)
V - Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	**827.881**	**828.409**
VI - Cho vay khách hàng	**58.597.353**	**64.406.554**
* Cho vay khách hàng	59.871.191	66.057.742
* Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng(*)	(1.273.838)	(1.651.188)
VII-Chứng khoán đầu tư	**11.437.123**	**13.898.501**
* CK sẵn sàng để bán	4.439.720	6.801.098
* CK giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000	7.100.000
* Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(2.597)	(2.597)
VIII- Góp vốn, đầu tư dài hạn	**911.887**	**911.887**
* Đầu tư vào công ty con	370.000	370.000
* Vốn góp liên doanh	-	-
* Đầu tư dài hạn khác	553.674	553.674
* Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác(*)	(11.787)	(11.787)
IX - Tài sản cố định	**2.218.325**	**2.195.428**
1/ Tài sản cố định hữu hình	854.541	885.824
* Nguyên giá TSCĐ	1.149.926	1.113.222
* Hao mòn TSCĐ	(295.385)	(227.398)
2/ Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
* Nguyên giá TSCĐ	-	-
* Hao mòn TSCĐ	-	-
3/ Tài sản cố định vô hình	1.363.784	1.309.604
* Nguyên giá TSCĐ	1.385.348	1.327.980
* Hao mòn TSCĐ	(21.564)	(18.376)
X- Tài sản có khác	**48.828.838**	**53.172.297**
1/ Các khoản phải thu	35.188.567	43.323.617
2/ Các khoản lãi và phí phải thu	13.591.077	9.466.723
3/ Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
4/ Tài sản có khác	206.432	551.318
5/Các khoản DP rủi ro cho các TS có nội bảng khác	(157.238)	(169.361)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**134.393.977**	**145.002.715**

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
B/ NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I-Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	**15.070.313**	**18.133.852**
II- Tiền gửi và vay các TCTD khác	**20.073.378**	**33.899.198**
1/ Tiền gửi của các TCTD khác	17.338.518	30.806.871
2/ Vay TCTD khác	2.734.860	3.092.327
III - Tiền gửi của khách hàng	**56.123.619**	**58.712.507**
IV - Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
V - Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	**10.203**	**10.203**
VI - Phát hành giấy tờ có giá	**15.299.700**	**19.331.272**
VII - Tài sản nợ khác	**18.219.181**	**3.584.705**
1/ Các khoản lãi và phí phải trả	2.124.600	2.659.342
2/Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
3/ Các khoản phải trả và công nợ khác	16.088.629	918.962
4/ Dự phòng rủi ro khác	5.952	6.401
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	**124.796.394**	**133.671.737**
VIII- Vốn và các quỹ	**9.597.583**	**11.330.978**
1/ Vốn của TCTD	10.592.049	10.592.049
* Vốn điều lệ	10.583.801	10.583.801
* Vốn đầu tư XDCB	45	45
* Thặng dư vốn cổ phần	95.912	95.912
* Cổ phiếu quỹ	(87.709)	(87.709)
* Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Vốn khác	-	-
2/ Quỹ của TCTD	368.498	413.415
3/ C/lệch TG hối đoái vàng bạc, đá quý	262.115	-
4/ Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
5/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.625.079)	325.514
a. Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	507.931	
b. Lợi nhuận kỳ này	(2.133.010)	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**134.393.977**	**145.002.715**

(*)Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chưa thực hiện điều chỉnh theo kết quả kiểm toán 2011.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Cuối quý	Đầu năm
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	**697.302**	**749.772**
1/ Bảo lãnh vay vốn	25.827	25.242
2/ Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40.917	75.424
3/ Bảo lãnh khác	630.558	649.106
II/ Các cam kết đưa ra	**6.432.890**	**2.092.082**
1/ Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
2/ Cam kết khác	6.432.890	2.092.082

TP. HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2012

Lập bảng	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	LÊ KHÁNH HIỀN

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
927 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP.HCM

Mẫu số : B03/TCTD
Ban hành theo QĐ số 16/2007/QĐ - NHNN
Ngày 18-04-2007 của Thống đốc NHNN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2012 - Riêng lẻ

ĐVT: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Quý 2 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý
1/ Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.319.473	4.861.522
2/ Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(3.373.840)	(6.767.401)
I/ Thu nhập lãi thuần	**(1.054.367)**	**(1.905.879)**
3/ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	378.255	567.364
4/ Chi phí hoạt động dịch vụ	(12.347)	(19.979)
II/ Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	**365.908**	**547.385**
III/ Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(226.810)**	**46.393**
IV/ Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh	**-**	**25.483**
V/ Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**(317.233)**	**304.727**
5/ Thu nhập từ hoạt động khác	(140.425)	22.284
6/ Chi phí hoạt động khác	18.177	(1.256)
VI/ Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động khác	**(122.248)**	**21.028**
VII/ Thu từ góp vốn, mua cổ phần	**6.602**	**6.964**
VIII/ Chi phí hoạt động	**(408.449)**	**(625.851)**
IX/ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	**(1.756.597)**	**(1.579.750)**
X/ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	**(545.968)**	**(545.968)**
XI/ Tổng lợi nhuận trước thuế	**(2.302.565)**	**(2.125.718)**
7/ Chi phí thuế TNDN hiện hành	(7.234)	(7.292)
8/ Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
XII/ Chi phí thuế TNDN	**(7.234)**	**(7.292)**
XIII/ Lợi nhuận sau thuế	**(2.309.799)**	**(2.133.010)**

TP.HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2012

Lập bảng	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
Nguyễn Thị Ngọc Hà	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	LÊ KHÁNH HỒ